

BÁO CÁO

Tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030.

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 7 về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, kỳ họp thứ 2 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Qua tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm và cả năm 2026 như sau:

I. ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Về thu ngân sách nhà nước

Ước tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2026 là 13.523 tỷ đồng, đạt 56,88% dự toán năm, bằng 104,17% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

a) Thu nội địa: 13.010 tỷ đồng, đạt 56,01% dự toán năm, bằng 103,77% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 934,409 tỷ đồng, đạt 38,93% dự toán năm, bằng 74,32% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu xổ số kiến thiết: 3.017,641 tỷ đồng, đạt 65,11% dự toán năm, bằng 115,34% so với cùng kỳ năm trước;

- Các khoản thu nội địa còn lại (*sau khi loại trừ thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết*) là 9.057.950 tỷ đồng, đạt 55,96% dự toán năm, bằng 104,55% so với cùng kỳ năm trước.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 513 tỷ đồng, đạt 93,27% dự toán năm, bằng 115,38% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết ước thực hiện thu NSNN theo Biểu số 01, 07 đính kèm)

2. Về chi ngân sách nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 tỉnh Đồng Tháp, Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 7 về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 11/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, kỳ họp thứ 2 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Sở Tài chính đã triển khai giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 ngay từ đầu năm để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện.

Ngoài thực hiện những nhiệm vụ chi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trên cơ sở nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh, Sở Tài chính đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi như: kinh phí chi trả chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy và học thường xuyên của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2026; Kinh phí thực hiện Cải tạo, sửa chữa, mở rộng Trung tâm Phục vụ hành chính công năm 2026 của các xã, phường sau sắp xếp; kinh phí hỗ trợ hộ chăn nuôi có động vật bị tiêu hủy; kinh phí khắc phục hậu quả sạt lở,...

2.1. Ước tổng chi ngân sách địa phương (NSĐP) 6 tháng đầu năm 2026 là 22.094,512 tỷ đồng, đạt 55,05% dự toán năm, bằng 95,73% so cùng kỳ năm trước. Bao gồm một số khoản chi chủ yếu như sau:

a) Chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn năm 2026 là 4.022 tỷ đồng, đạt 37,67% dự toán năm, bằng 80,24% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chi thường xuyên là 13.485,62 tỷ đồng, đạt 47,16% dự toán năm, bằng 99,38% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề là 5.104,387 tỷ đồng, đạt 41,58% dự toán năm, bằng 94,04% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 48,160 tỷ đồng, đạt 42,02% dự toán năm, bằng 117,40% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình là 1.245,863 tỷ đồng, đạt 47,13% dự toán năm, bằng 97,69% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là 2.595,500 tỷ đồng, đạt 64,47% dự toán năm, bằng 81,98% so với cùng kỳ năm trước.

c) Chi trả nợ lại các khoản do chính quyền địa phương vay là 1,012 tỷ đồng, đạt 27,35% so dự toán năm 2026, bằng 83,98% so cùng kỳ năm trước.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính là 2,400 tỷ đồng.

đ) Chi đầu tư phát triển từ kế hoạch vốn năm 2025 chuyển sang là 4.583,48 tỷ đồng.

(Chi tiết ước thực hiện chi NSDP theo Biểu số 02, 09 đính kèm)

2.2. Ngoài ra, trong thời gian qua, địa phương đã tạm ứng từ tồn quỹ ngân sách và ứng trước kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh (số liệu tổng hợp đến thời điểm ngày 25/5/2026) với tổng số tiền là 127,617 tỷ đồng, trong đó:

a) Tạm ứng chi đầu tư với số tiền là 112,324 tỷ, bao gồm:

- Chi trả cho Quân khu 9 khi nhận đất Kho 302 là 8 tỷ đồng.

- Xây dựng Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy là 26,597 tỷ đồng.

- Xây dựng Tòa án nhân dân huyện Lai Vung là 28,312 tỷ đồng.

- Tạm ứng kinh phí hỗ trợ di dời sắp xếp dân cư của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp là 49,415 tỷ đồng.

b) Tạm ứng khác: tạm ứng cho Công ty Điện lực Đồng Tháp (số dư nợ đến ngày 25/5/2026) là 14,193 tỷ đồng để đầu tư phát triển hệ thống lưới điện nông thôn ở các xã phân đấu xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí số 4 (trong đó: tỉnh Tiền Giang (trước sáp nhập) với số tiền là 9,193 tỷ đồng, tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) với số tiền là 05 tỷ đồng).

c) Mặt khác, ngân sách tỉnh Đồng Tháp (*trước sáp nhập*) đã tạm ứng từ ngân sách Trung ương kinh phí chi thường xuyên với số tiền là 1,100 tỷ đồng, kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2008 tỉnh Đồng Tháp.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Về thu ngân sách

Năm 2026 là năm mở đầu cho giai đoạn phát triển mới, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2026-2030), dự báo tình hình phát triển kinh tế có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen; tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc, các yếu tố chi phí đầu vào tăng; lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân; bên cạnh đó, Nhà nước tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn cho người dân và doanh nghiệp như miễn, giảm như: Nghị quyết số 109/2025/UBTVQH15 ngày 17/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026. Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 26/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay trong trường hợp cần thiết vì lợi ích quốc gia. Nghị quyết số 19/2026/QH16 ngày 12/4/2026 của Quốc hội về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay. Vì vậy sẽ tác động và ảnh hưởng đến công tác thu ngân sách Nhà nước năm 2026.

Theo số liệu ước thực hiện thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 nêu trên thì số thu nội địa là 13.010 tỷ đồng, đạt 56,01% dự toán năm. Trong đó, có 07/15 khoản thu đạt trên 50% so với dự toán năm, có 08/15 khoản thu chưa đạt 50% so với dự toán đầu năm. Cụ thể như sau:

1.1. Đối với 07/15 khoản thu đạt trên 50% dự toán năm:

a) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 2.260,885 tỷ đồng, đạt 55,82% dự toán năm và bằng 111,21% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt cao do một số doanh nghiệp có số nộp lớn như Chi nhánh số 2 - Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam - Tiền Giang nộp 760 tỷ đồng, tăng 13% so cùng kỳ; Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Long Giang nộp 69 tỷ đồng, tăng 245% so cùng kỳ; Công ty TNHH Gia công Đồng Hải Lượng Việt Nam nộp 66 tỷ đồng, tăng 57% so cùng kỳ; Công ty TNHH Một thành viên Dream Mekong nộp 43 tỷ đồng, tăng 26% so cùng kỳ.

b) Thu từ doanh nghiệp nhà nước là 549,513 tỷ đồng, đạt 61,40% dự toán năm và bằng 125,51% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt cao do một số doanh nghiệp có số nộp lớn như Chi Nhánh Xăng Dầu Quân Đội Khu vực Tiền Giang nộp 22 tỷ đồng, tăng 6% so cùng kỳ; Công ty Điện Lực Đồng Tháp nộp 47 tỷ đồng, tăng 1.422% so cùng kỳ.

c) Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh là 3.537,250 tỷ đồng, đạt 73,69% so với dự toán năm, bằng 136,42% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt cao do một số doanh nghiệp có số nộp lớn như Công ty Cổ phần Tex- Giang nộp 300 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn nộp 140 tỷ đồng; Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp nộp 101 tỷ đồng; Công ty TNHH Xăng Dầu Hồng Đức nộp 97 tỷ đồng, tăng 34% so cùng kỳ; Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang nộp 68 tỷ đồng, tăng 54% so cùng kỳ; Công ty TNHH Đại Thành nộp 62 tỷ đồng, tăng 74% so cùng kỳ.

d) Thu xổ số kiến thiết: 3.017,641 tỷ đồng, đạt 65,11% so dự toán, bằng 115,34% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt cao do các Công ty Xổ số kiến thiết Tiền Giang và Công ty Xổ số kiến thiết Đồng Tháp tăng số lượng vé phát hành (từ 14 vé/cặp lên 16 vé/cặp dịp Tết Nguyên đán năm 2026), tỷ lệ tiêu thụ tăng, chi phí giảm.

đ) Thu tiền khai thác khoáng sản là 46 tỷ đồng, đạt 68,66% so dự toán, bằng 139,90% so cùng kỳ năm trước.

e) Thu khác ngân sách là 495,231 tỷ đồng, đạt 54,21% so dự toán, bằng 93,28% so cùng kỳ năm trước.

g) Thu tiền sử dụng khu vực biển là 2.010 tỷ đồng, đạt 67,00% so dự toán.

1.2. Đối với 08/15 khoản thu đạt dưới 50% so với dự toán:

a) Thu thuế bảo vệ môi trường là 580 tỷ đồng, đạt 34,73% so dự toán, bằng 70,24% cùng kỳ. Số thu này đạt thấp do thực hiện Nghị quyết số 19/2026/QH16 ngày 12/4/2026 về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay (hiệu lực thi hành từ ngày 16/4/2026 đến hết ngày 30/6/2026).

b) Thu từ Thuế thu nhập cá nhân là 900 tỷ đồng, đạt 40,29% so dự toán, bằng 82,19% so cùng kỳ năm trước. Nguồn thu này chủ yếu thu thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công lũy kế đến 30/4/2026: 348,86 tỷ đồng; thuế thu nhập từ trúng thưởng: 132,8 tỷ đồng; thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân: 95,61 tỷ đồng; thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản: 76,64 tỷ đồng;...

c) Thu từ tiền sử dụng đất ước là 934,409 tỷ đồng, đạt 38,93% so dự toán, bằng 74,32% so cùng kỳ năm trước. Số thu đạt mức trung bình, chủ yếu thu từ

việc chuyển mục đích, công nhận đất ở trong dân; đánh giá đến thời điểm ngày 30/6/2026 chưa phát sinh số thu từ dự án cấp tỉnh.

d) Thu từ tiền thuê mặt đất, mặt nước là 150 tỷ đồng, đạt 37,50% so dự toán, bằng 74,32% so cùng kỳ năm trước. Số thu này chủ yếu từ thu tiền thuê hàng năm theo sổ bộ, chưa có phát sinh các dự án cho thuê đất mới (trả 1 lần).

đ) Phí, lệ phí là 178,133 tỷ đồng, đạt 48,14% so dự toán, bằng 89,85% cùng kỳ. Số thu đạt thấp do thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

e) Thu từ lệ phí trước bạ là 345,754 tỷ đồng, đạt 46,10% so dự toán, bằng 102,76% so cùng kỳ năm trước. Nguồn thu này không ổn định, phụ thuộc vào việc mua sắm, đăng ký sở hữu tài sản của người dân, doanh nghiệp.

g) Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp là 12,942 tỷ đồng, đạt 35,46% so dự toán, bằng 74,26% cùng kỳ năm trước.

h) Thu tiền thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước là 230 tỷ đồng, đạt 11,50% so dự toán, bằng 24,36% cùng kỳ năm trước.

1.3. Đánh giá tình hình ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp trong, ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

1.3.1. Dự kiến nguồn thu từ các doanh nghiệp hết thời gian ưu đãi:

Đến ngày 31/12/2025, tổng số doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thời gian (*miễn 4 năm, giảm 9 năm*) thuế TNDN trên địa bàn tỉnh là 1.346 doanh nghiệp. Qua rà soát số lượng doanh nghiệp hết hạn ưu đãi thuế TNDN giai đoạn 2025-2029 là 666 doanh nghiệp (*sẽ phát sinh nghĩa vụ nộp thuế từ năm 2026 đến năm 2030, nếu có lợi nhuận, với mức thuế 15%, 17%, 20%*), cụ thể số lượng từng năm như sau:

- Năm 2026: 136 doanh nghiệp (hết ưu đãi năm 2025);
- Năm 2027: 108 doanh nghiệp (hết ưu đãi năm 2026);
- Năm 2028: 119 doanh nghiệp (hết ưu đãi năm 2027);
- Năm 2029: 160 doanh nghiệp (hết ưu đãi năm 2028);
- Năm 2030: 143 doanh nghiệp (hết ưu đãi năm 2029).

Tập trung ở một số doanh nghiệp trọng điểm có số thuế được miễn, giảm lớn trong các năm trước, cần được quan tâm tạo điều kiện phát triển, ổn định sản xuất:

- a) Tại địa bàn Tiền Giang (*trước hợp nhất*) có các doanh nghiệp trọng điểm:
- Công ty TNHH Công nghiệp Bellinturf Việt Nam;
 - Công ty TNHH Công Thái Học Loctek Việt Nam;

- Công ty TNHH Thực phẩm Balala Việt Nam;
- Công ty TNHH Sợi Mekong;
- Công ty TNHH Công nghiệp Đồng Jintian Việt Nam;
- Công ty TNHH Thép không gỉ Quảng Thượng Việt Nam.

b) Tại địa bàn Đồng Tháp (*trước hợp nhất*) có các doanh nghiệp trọng điểm:

- Công ty TNHH Dầu gạo Sethia Hemraj;
- Công ty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One;
- Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Hoàn Collagen;

Dự báo khả năng tăng thu trên 100 tỷ đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm đối với các doanh nghiệp nêu trên.

1.3.2. Dự kiến nguồn thu lĩnh vực xây dựng vắng lai:

Tổng số thuế GTGT (*vãng lai*) thu được trong quý I năm 2026 đối với các công trình xây dựng là 21,748 tỷ đồng, tăng 3% so cùng kỳ.

Nguồn thu này có tăng so cùng kỳ nhưng chưa cao do công tác triển khai xây dựng tại địa phương còn chậm. Tuy nhiên, đánh giá khả năng nguồn thu này sẽ tăng mạnh trong thời gian tới do Ủy ban nhân dân các xã, phường đã tăng cường triển khai công tác xây dựng cơ bản tại địa phương.

Ngoài ra, khoản thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 6 tháng là 513 tỷ đồng, đạt 93,27% so với dự toán, bằng 115,38% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt cao do ngành Hải quan đã triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp về quy trình thủ tục, chính sách, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong cung ứng dịch vụ công, tự động hóa một số quy trình thủ tục; tư duy và phong cách làm việc ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, giảm bớt sự chông chéo trong giải quyết thủ tục và tạo động lực tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

Đối với khu vực xã, phường có 60/102 xã, phường ước thu đạt trên 50% dự toán giao năm 2026.

Nếu loại trừ số thu tiền sử dụng đất thì có 56/102 xã, phường ước thu đạt trên 50% dự toán giao năm 2026.

2. Tình hình nợ thuế

- Tổng số nợ thuế đến thời điểm ngày 31/5/2026 là 970.858 triệu đồng, giảm 77.004 triệu đồng so với thời điểm 30/4/2026, tăng 191.574 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2025.

- Tổng số nợ thuế ước đến thời điểm ngày 30/6/2026, tỷ lệ tổng tiền thuế nợ trên tổng dự toán thu năm 2026 là 3,86% (896 tỷ đồng/23.226 tỷ đồng), trong đó:

- + Nhóm nợ khó thu: 61 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 6,8%;
- + Nhóm nợ có khả năng thu: 729 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 81,4%

Nguyên nhân:

Do thị trường bất động sản trầm lắng, một phần lớn nợ thuế liên quan đến các khoản thu từ đất (*tiền sử dụng đất, tiền thuê đất*). Khi thị trường bất động sản đóng băng, các chủ đầu tư gặp khó khăn về dòng tiền, dẫn đến việc chậm nộp các khoản thuế lớn. Hậu quả kéo dài của đại dịch và biến động thế giới nhiều doanh nghiệp chưa kịp phục hồi sau đại dịch thì lại đối mặt với lạm phát toàn cầu, xung đột địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng. Chi phí đầu vào tăng cao: Giá nguyên vật liệu, logistics và lãi suất ngân hàng duy trì ở mức cao trong thời gian dài khiến doanh nghiệp rơi vào tình trạng khan hiếm dòng tiền.

*** Tình hình ghi nợ tiền sử dụng đất, nợ thuế, liên quan lĩnh vực đất đai:**

Tính đến ngày 31/5/2026, đã có 6.499 hồ sơ thanh toán ghi nợ tiền sử dụng đất, số tiền 730.571 triệu đồng; còn lại chưa thanh toán 3.959 hồ sơ, tổng số tiền 503.991 triệu đồng.

Tổng số tiền thuế nợ do Thuế tỉnh Đồng Tháp quản lý tại thời điểm 31/5/2026 là 970.858 triệu đồng, giảm 77.004 triệu đồng (tỷ lệ 7,35%) so với thời điểm 30/4/2026, tăng 191.574 triệu đồng (tỷ lệ 24,58%) so với thời điểm 31/12/2025. Trong đó, các khoản nợ liên quan đến đất là 316.203 triệu đồng (*gồm: tổ chức là 151.279 triệu đồng; hộ gia đình, cá nhân là 164.924 triệu đồng*)”.

Ngoài ra, ngày 14/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 1163/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ đọng thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, để kịp thời thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách.

3. Về chi ngân sách

Trong 6 tháng đầu năm 2026, việc điều hành chi ngân sách căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và các chế độ, định mức chi tiêu, dự toán chi ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho từng ngành, từng địa phương. Vì vậy, kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2026 đã đáp ứng được yêu cầu hoạt động của các đơn vị, địa phương.

Ước tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2026 là 22.094,512 tỷ đồng, đạt 55,05% dự toán năm:

- Chi đầu tư phát triển: Thực hiện giao dự toán vốn đầu tư ngay từ đầu năm và các Chủ đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư nên việc đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Ước chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn 6 tháng đầu năm 2026 là 4.022 tỷ đồng, đạt 37,67% dự toán năm.

- Chi thường xuyên: 13.485,620 tỷ đồng, đạt 47,16% so với dự toán năm, bằng 99,38% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo là 5.104,387 tỷ đồng đạt 41,58% so với dự toán năm.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 48,160 tỷ đồng đạt 42,02% so với dự toán năm.

+ Đối với lĩnh vực chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đạt 64,47% so với dự toán năm. Nguyên nhân đạt cao là do thực hiện chi chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 5/6/2025 của Chính phủ và kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031...

+ Đối với lĩnh vực chi các hoạt động kinh tế đạt 38,69% so với dự toán giao và chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 41,69% so với dự toán giao. Nguyên nhân các cơ quan, đơn vị được giao dự toán năm 2026 đang trong quá trình triển khai các trình tự, thủ tục để thực hiện và giải ngân nguồn vốn; cụ thể:

Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Dự án Phát triển vùng đệm Vườn Quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021 - 2030 chưa kịp hoàn thành trong quý I/2026 do khối lượng nội dung nghiên cứu thực tế lớn hơn so với đề cương ban đầu, phát sinh thêm yêu cầu bổ sung từ các Sở, ngành, địa phương qua nhiều vòng lấy ý kiến trong giai đoạn 2024 - 2026 và một số nội dung khác của Sở Nông nghiệp và Môi trường đang trong quá trình thực hiện, như: Chi hoạt động Bảo vệ môi trường lĩnh vực chăn nuôi; Xây dựng bộ đơn giá hoạt động thu gom chất thải rắn; Vận hành hệ thống giám sát tài nguyên khoáng sản,...

Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế: Sở Xây dựng đang triển khai vốn thực hiện các công trình duy tu, sửa chữa đường bộ và đường thủy nội địa năm 2026 theo Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn các công trình duy tu, sửa chữa đường bộ và đường thủy nội địa năm 2026; Ủy ban nhân dân tỉnh đang phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán lập hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính hai cấp tỉnh Đồng Tháp để làm cơ sở triển khai thực hiện và một số nội dung khác của Sở Nông nghiệp và Môi trường đang trong quá trình thực hiện, như: Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản tích hợp vào quy hoạch tỉnh; Khoanh định điều chỉnh

khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; Dự án chỉnh lý số hóa; Lập bản đồ cấp xã,...

Đối với kinh phí hỗ trợ thủy lợi phí và kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa hiện tại Sở Nông nghiệp và Môi trường và các xã, phường đang triển khai thực hiện.

4. Tình hình sử dụng Quỹ dự trữ tài chính

Số dư Quỹ dự trữ tài chính đầu năm 2026 là 580,918 tỷ đồng. Số phát sinh tăng (đến ngày 31/05/2026) là 3,572 tỷ đồng (bao gồm 2,4 tỷ đồng trích bổ sung Quỹ dự trữ tài chính từ ngân sách nhà nước năm 2026 và số phát sinh tiền lãi tại Kho bạc Nhà nước là 1,172 tỷ đồng). Số phát sinh giảm trong năm 2025 là 0 đồng. Số dư Quỹ dự trữ tài chính đến ngày 31/05/2026 của tỉnh Đồng Tháp là 584,490 tỷ đồng.

Ngoài ra, tỉnh Đồng Tháp (trước hợp nhất) đã thực hiện tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính với số tiền là 02 tỷ đồng, cụ thể:

- Ngày 20/5/1998, Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông Đồng Tháp đã tạm ứng Quỹ Dự trữ tài chính của tỉnh 03 tỷ đồng để thi công Công trình cầu Đúc Cao Lãnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính đơn đốc Công ty hoàn trả tạm ứng, tính đến thời điểm hiện tại Công ty đã hoàn ứng 1,5 tỷ đồng.

- Ngày 10/10/1997, Công ty Cổ phần Vinaconex 27 Đồng Tháp (trước đây là Công ty Thủy nông Đồng Tháp) đã tạm ứng Quỹ Dự trữ tài chính của tỉnh 01 tỷ đồng để kéo đường dây điện và hạ thế lắp bình biến áp để thực hiện dự án các trạm bơm điện phục vụ sản xuất từ vụ Đông Xuân năm 1998-1999, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính đơn đốc Công ty hoàn trả tạm ứng, tính đến thời điểm hiện tại Công ty đã hoàn ứng 0,5 tỷ đồng.

5. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh:

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh bố trí đầu năm 2026 là 526,820 tỷ đồng. Số đã phân bổ sử dụng là 296,799 tỷ đồng; còn lại là 230,021 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 05 đính kèm)

6. Tình hình sử dụng dự toán chi còn lại chưa phân bổ đầu năm:

a) Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo:

Dự toán chi còn lại chưa phân bổ đầu năm 2026 là 861,344 tỷ đồng. Số đã phân bổ sử dụng đến ngày 31/5/2026 là 339,315 tỷ đồng; còn lại là 522,029 tỷ đồng.

b) Nguồn chi đảm bảo xã hội:

Dự toán còn lại chưa phân bổ đầu năm 2026 là 9,576 tỷ đồng. Số đã phân bổ sử dụng đến ngày 31/5/2026 là 0 đồng; còn lại là 9,576 tỷ đồng.

c) Nguồn chi thường xuyên khác:

Dự toán chi khác còn lại chưa phân bổ đầu năm 2026 là 1.115,360 tỷ đồng. Số đã phân bổ sử dụng đến ngày 31/5/2026 là 294,504 đồng; còn lại là 820,856 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 06 đính kèm)

7. Nguồn vốn trung ương bổ sung có mục tiêu

- Kinh phí tổ chức phục vụ công tác bầu cử năm 2026 theo Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 07/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền là 73.881 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ cho các đơn vị và địa phương tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 06/3/2026.

- Kinh phí thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 với số tiền là 3.814 triệu đồng theo Quyết định số 627/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn trả lại nguồn dự phòng năm 2026 theo quy định.

8. Báo cáo tình hình phân bổ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025:

8.1. Nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2025:

Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 là 24.474,133 tỷ đồng (*chưa bao gồm số liệu ghi thu tiền sử dụng đất năm 2025 số tiền nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng¹*); trong đó:

a) Thu nội địa năm 2025 là 23.475,425 tỷ đồng, đạt 118,17% dự toán năm, bao gồm:

- Thu tiền sử dụng đất: 2.117,437 tỷ đồng, đạt 83,04% so dự toán năm;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 4.656,692 tỷ đồng, đạt 112,21% so dự toán năm;

- Các khoản thu nội địa còn lại: 16.701,296 tỷ đồng, đạt 126,86% dự toán năm.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 998,708 tỷ đồng, đạt 121% dự toán năm.

Với tổng thu ngân sách trên địa bàn nêu trên được điều tiết các cấp ngân sách như sau:

- Ngân sách Trung ương: 2.342,003 tỷ đồng

- Ngân sách địa phương: 22.132,130 tỷ đồng, (*bao gồm, ngân sách cấp tỉnh: 21.139,186 tỷ đồng; ngân sách cấp xã: 992,944 tỷ đồng*).

¹ Số liệu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 (bao gồm ghi thu tiền sử dụng đất năm 2025 số tiền nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng 780,348 tỷ đồng) là 25.254,481 tỷ đồng.

Trên cơ sở số thực hiện thu ngân sách nêu trên số tăng thu ngân sách của địa phương năm 2025 là 3.887,775 tỷ đồng (22.132,130 tỷ đồng - 18.244,355 tỷ đồng²), bao gồm:

- Ngân sách cấp tỉnh: 3.593,957 tỷ đồng;

- Ngân sách cấp xã: 293,818 tỷ đồng.

8.2. Phân bổ số tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025 cụ thể như sau:

a) Tăng thu nguồn chi đầu tư phát triển là 74,129 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: thu tiền sử dụng đất chênh lệch giảm là 432,563 tỷ đồng (2.117,437 tỷ đồng - 2.550 tỷ đồng).

Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh giảm danh mục đầu tư công năm 2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh) với số tiền là 750 tỷ đồng tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025. Vì vậy, nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng chi đầu tư phát triển trong năm 2026 là 317,437 tỷ đồng (750 tỷ đồng - 432,563 tỷ đồng).

- Số tăng thu tiền xổ số kiến thiết là 506,692 tỷ đồng (4.656,692 tỷ đồng - 4.150 tỷ đồng).

Như vậy, nguồn tăng thu để chi đầu tư phát triển là 824,129 tỷ đồng (317,437 tỷ đồng + 506,692 tỷ đồng), trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 về kế hoạch đầu tư công năm 2026 với số tiền là 680 tỷ đồng và được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 11/5/2026 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 với số tiền là 824,129 tỷ đồng.

b) Tăng thu các nguồn còn lại là 3.519,828 tỷ đồng (3.593,957 tỷ đồng - 74,129 tỷ đồng), trong đó:

b.1) Xác định số liệu trích tạo nguồn cải cách tiền lương

Sau khi loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể như thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải,... với số tiền là 33,896 tỷ đồng, số còn lại là 3.485,932 tỷ đồng, thực hiện trích 70% để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 2.440,153 tỷ đồng.

b.2) Xác định số tăng thu còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng

Số tăng thu ngân sách cấp tỉnh còn lại (sau khi loại trừ trích tạo nguồn cải cách tiền lương là 2.440,153 tỷ đồng) được sử dụng là 1.079,675 tỷ đồng (3.519,828 tỷ đồng - 2.440,153 tỷ đồng).

² Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2025: 18.244,355 tỷ đồng.

8.3. Dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 là 144,129 tỷ đồng. Bao gồm:

- Kết dư năm 2024 chuyển vào thu ngân sách năm 2025 (sau khi loại trừ kết dư để thực hiện chi đầu tư theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và trích 70% nguồn để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định) là 57,687 tỷ đồng.

- Các nguồn dự toán còn lại năm 2025 là 86,442 tỷ đồng.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025 với tổng số tiền là 1.223,804 tỷ đồng (1.079,675 tỷ đồng + 144,129 tỷ đồng) Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng phương án sử dụng và báo cáo xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Thông báo số 581-TB/TU ngày 03/6/2026 về việc Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị đột xuất ngày 03/6/2026, thống nhất thực hiện chi các nội dung cụ thể như sau:

- Chi các nội dung có liên quan đến công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa từ nguồn thu bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 33,896 tỷ đồng.

- Chi cho công tác duy tu, sửa chữa và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường do cấp xã quản lý năm 2026 là 413,020 tỷ đồng.

- Bố trí kinh phí chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đảm bảo bố trí tối thiểu 3% chi ngân sách nhà nước cho chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng là 776,888 tỷ đồng.

Theo dự toán Trung ương giao tổng chi cân đối ngân sách tỉnh Đồng Tháp năm 2026 là 34.166,266 tỷ đồng. Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, 3% chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 tỉnh Đồng Tháp là 1.024,988 tỷ đồng. Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 248,100 tỷ đồng (bao gồm: chi đầu tư phát triển là 133,500 tỷ đồng, chi thường xuyên là 114,600 tỷ đồng), chiếm 0,73% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Do đó, số còn lại phải tiếp tục bố trí trong năm 2026 là 776,888 tỷ đồng (1.024,988 tỷ đồng - 248,100 tỷ đồng).

II. ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM VÀ CẢ NĂM 2026

Căn cứ các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội của địa phương đề ra; các Luật thuế, các chính sách về thu ngân sách; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý ngân sách; các định mức phân bổ ngân sách, chế độ chi tiêu hiện hành; tình hình ước thực hiện về thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân

dân tỉnh Đồng Tháp xây dựng ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm và cả năm 2026 như sau:

1. Về thu ngân sách

Ước tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng cuối năm 2026 là 12.727 tỷ đồng, nâng tổng thu ngân sách năm 2026 là 26.250 tỷ đồng, đạt 110,41% dự toán năm và bằng 103,94% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm:

a) Thu nội địa 6 tháng cuối năm là 12.190 tỷ đồng, nâng tổng thu cả năm là 25.200 tỷ đồng, đạt 108,50% dự toán năm và bằng 103,89% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Thu từ hoạt động XSKT là 2.214,359 tỷ đồng, nâng tổng thu cả năm là 5.232 tỷ đồng, đạt 112,88% so dự toán; bằng 112,35% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất là 1.465,591 tỷ đồng, nâng tổng thu cả năm là 2.400 tỷ đồng, đạt 100,0% so dự toán; bằng 82,82% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu nội địa còn lại là 8.510,05 tỷ đồng, nâng tổng thu cả năm là 17.568 tỷ đồng, đạt 108,50% so dự toán; bằng 105,19% so với cùng kỳ năm trước.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 6 tháng cuối năm là 537 tỷ đồng, nâng tổng thu cả năm là 1.050 tỷ đồng, đạt 190,91% dự toán năm, bằng 105,14% so với cùng kỳ năm trước.

Một số khoản thu nội địa lớn như sau:

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 6 tháng cuối năm là 2.194,115 tỷ đồng, nâng tổng thu cả năm là 4.455 tỷ đồng, đạt 110,00% dự toán năm, bằng 108,62% so cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh 6 tháng cuối năm là 2.207,665 tỷ đồng, nâng số thu cả năm là 5.744,915 tỷ đồng, đạt 119,69% dự toán, bằng 109,92% so cùng kỳ năm trước.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 6 tháng cuối năm là 2.214,359 tỷ đồng, nâng số thu cả năm là 5.232 tỷ đồng, đạt 112,88% dự toán năm, bằng 112,35% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với khu vực xã, phường có 60/102 xã, phường ước thu ngân sách nhà nước đạt trên 100% so với dự toán giao năm 2026.

Nếu loại trừ số thu tiền sử dụng đất thì có 58/102 xã, phường ước thu đạt trên 100% so với dự toán giao năm 2026.

Chi tiết theo Biểu số 03, 08 đính kèm)

2. Về chi ngân sách

Trong năm 2026, ngoài việc thực hiện dự toán chi ngân sách đã giao đầu năm, còn thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán như chi chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026 thực hiện tiếp và bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chính sách tiền lương, chi từ kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu,...

Từ tình hình trên, ước tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm là 29.803,646 tỷ đồng, nâng tổng chi ngân sách địa phương năm 2026 là 51.831,558 tỷ đồng. Trong đó một số khoản chi chủ yếu như sau:

a) Chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn năm 2026: ước chi 6 tháng cuối năm là 8.654,752 tỷ đồng, nâng tổng chi cả năm là 12.610,152 tỷ đồng, đạt 118,09% dự toán năm, bằng 117,78% so cùng kỳ năm trước.

b) Chi thường xuyên 6 tháng cuối năm là 18.337,245 tỷ đồng, nâng tổng số chi cả năm là 31.822,865 tỷ đồng, đạt 111,29% dự toán năm, bằng 118,86% so cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề 6 tháng cuối năm là 7.421,868 tỷ đồng, nâng tổng số chi cả năm là 12.526,255 tỷ đồng, đạt 102,04% dự toán năm, bằng 123,21% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 6 tháng cuối năm là 843,328 tỷ đồng, nâng tổng số chi cả năm là 891,488 tỷ đồng, đạt 777,91% dự toán năm, bằng 1.897,47% so với cùng kỳ năm trước.

c) Chi đầu tư phát triển từ kế hoạch vốn năm 2025 chuyển sang là 4.583,480 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 04, 10 đính kèm)

Trên đây là Báo cáo tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 và cả năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thuế tỉnh Đồng Tháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSI.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 316/BC-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: triệu đồng

SỐ TT	Nội dung thu	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ % ước TH so với	
				DT năm 2026	Cùng kỳ 2025
1	2	3	4	5=4/3	6
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	23.776.000	13.523.000	56,88	104,17
a)	Thu nội địa	23.226.000	13.010.000	56,01	103,77
	Tổng thu nội địa loại trừ thu XSKT và TSD đất	16.191.000	9.057.950	55,94	104,55
1	Thu từ DN có vốn ĐTNN	4.050.000	2.260.885	55,82	111,21
2	Thu từ doanh nghiệp NN	895.000	549.513	61,40	125,51
3	Thu từ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.800.000	3.537.250	73,69	136,42
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.234.000	900.000	40,29	82,20
5	Thu tiền sử dụng đất	2.400.000	934.409	38,93	74,32
6	Thuế sử dụng đất NN, phi NN	36.500	12.944	35,46	74,27
7	Thu tiền thuê đất, mặt nước	400.000	150.000	37,50	26,84
8	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	2.000	230	11,50	24,36
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.670.000	580.000	34,73	70,24
10	Lệ phí trước bạ	750.000	345.754	46,10	102,76
11	Thu phí, lệ phí	370.000	178.133	48,14	89,85
12	Thu tiền Khai thác khoáng sản	67.000	46.000	68,66	127,15
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	3.000	2.010	67,00	
14	Thu khác ngân sách	913.500	495.231	54,21	93,28
15	Thu từ hoạt động XSKT	4.635.000	3.017.641	65,11	115,34
b)	Thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu	550.000	513.000	93,27	115,38

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 316 /BC-UBND ngày 23 / 5 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: triệu đồng

SỐ TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ % ước TH so với	
				DT năm 2026	Cùng kỳ 2025
1	2	3	4	5=4/3	6
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>40.133.774</u>	<u>22.027.912</u>	<u>54,89</u>	<u>95,44</u>
1	Chi đầu tư phát triển	10.678.174	3.955.400	37,04	80,24
2	Chi thường xuyên, trong đó:	28.594.801	13.485.620	47,16	99,38
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.276.255	5.104.387	41,58	94,04
	Chi khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	114.600	48.160	42,02	117,40
	Chi quốc phòng	472.441	290.683	61,53	80,73
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	347.489	148.403	42,71	88,25
	Chi y tế, dân số và gia đình	2.643.417	1.245.863	47,13	97,69
	Chi văn hóa thông tin	158.906	81.330	51,18	49,02
	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	80.850	40.809	50,47	88,20
	Chi thể dục thể thao	96.218	43.150	44,85	78,25
	Chi bảo vệ môi trường	325.805	135.833	41,69	71,56
	Chi các hoạt động kinh tế	2.887.735	1.117.272	38,69	77,93
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.025.993	2.595.500	64,47	81,98
	Chi bảo đảm xã hội	3.865.077	1.888.230	48,85	155,18
	Chi thường xuyên khác	1.300.015	746.000	57,38	3.092,36
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.700	1.012	27,35	83,98
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.400	2.400	100,00	80,00
5	Dự phòng ngân sách	854.699			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
7	Chi ĐTPPT từ kế hoạch vốn 2025 chuyển sang		4.583.480		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN CẢ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 316/BC-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: triệu đồng

SỐ TT	Nội dung thu	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2026	Ước thực hiện cả năm 2026	Tỷ lệ % ước TH năm 2026 so với	
					DT 2026	Cùng kỳ
1	2	3	4	5	6=5/3	7
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	23.776.000	12.727.000	26.250.000	110,41	103,94
a)	Thu nội địa	23.226.000	12.190.000	25.200.000	108,50	103,89
	<i>Tổng thu nội địa loại trừ thu XSKT và TSD đất</i>	<i>16.191.000</i>	<i>8.510.051</i>	<i>17.568.000</i>	<i>108,50</i>	<i>105,19</i>
1	Thu từ DN có vốn ĐTNN	4.050.000	2.194.115	4.455.000	110,00	108,62
2	Thu từ doanh nghiệp NN	895.000	433.487	983.000	109,83	108,69
3	Thu từ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.800.000	2.207.665	5.744.915	119,69	109,92
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.234.000	1.558.000	2.458.000	110,03	127,41
5	Thu tiền sử dụng đất	2.400.000	1.465.591	2.400.000	100,00	82,82
6	Thuế sử dụng đất NN, phi NN	36.500	26.576	39.520	108,27	89,20
7	Thu tiền thuê đất, mặt nước	400.000	550.000	700.000	175,00	86,33
8	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	2.000	1.970	2.200	110,00	101,10
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.670.000	605.995	1.185.995	71,02	73,29
10	Lệ phí trước bạ	750.000	401.334	747.088	99,61	106,12
11	Thu phí, lệ phí	370.000	98.459	276.592	74,75	84,20
12	Thu tiền Khai thác khoáng sản	67.000	27.800	73.800	110,15	68,12
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	3.000	990	3.000	100,00	
14	Thu khác ngân sách	913.500	403.660	898.891	98,40	97,35
15	Thu từ hoạt động XSKT	4.635.000	2.214.359	5.232.000	112,88	112,35
b)	Thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu	550.000	537.000	1.050.000	190,91	105,14

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP CẢ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 316 /BC-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: triệu đồng

SỐ TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2026	Ước thực hiện năm 2026	Tỷ lệ % ước TH năm 2026 so với	
					DT năm 2026	Cùng kỳ 2025
1	2	3	4	5	6=5/3	7
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	40.133.774	29.803.646	51.831.558	129,15	123,23
1	Chi đầu tư phát triển	10.678.174	8.654.752	12.610.152	118,09	117,78
2	Chi thường xuyên, trong đó:	28.594.801	18.337.245	31.822.865	111,29	118,86
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.276.255	7.421.868	12.526.255	102,04	123,21
	Chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	114.600	843.328	891.488	777,91	1.879,47
	Chi quốc phòng	472.441	206.758	497.441	105,29	95,94
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	347.489	212.586	360.989	103,89	123,07
	Chi y tế, dân số và gia đình	2.643.417	1.647.554	2.893.417	109,46	123,96
	Chi văn hóa thông tin	158.906	112.826	194.156	122,18	68,83
	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	80.850	40.041	80.850	100,00	107,25
	Chi thể dục thể thao	96.218	58.568	101.718	105,72	113,49
	Chi bảo vệ môi trường	325.805	244.972	380.805	116,88	111,93
	Chi các hoạt động kinh tế	2.887.735	2.763.508	3.880.780	134,39	152,07
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.025.993	2.054.374	4.649.874	115,50	66,67
	Chi bảo đảm xã hội	3.865.077	2.176.847	4.065.077	105,17	144,14
	Chi thường xuyên khác	1.300.015	554.015	1.300.015	100,00	466,49
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.700	2.688	3.700	100,00	157,05
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.400	0	2.400	100,00	80,00
5	Dự phòng ngân sách	854.699	858.513	858.513	100,45	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		1.950.448	1.950.448		
7	Chi ĐTPT từ kế hoạch vốn 2025 chuyển sang			4.583.480		

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH

CẤP TỈNH ĐẾN THÁNG 5 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số **316** /BC-UBND ngày **23** / **6** /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2026	526.820	
II	Tổng số đã chi 6 tháng đầu năm 2026	102.173	
1	Bổ sung dự toán năm 2026 do tổng hợp thiếu so với Định mức theo NQ số 31/2025/NQ-HĐND (Ủy ban nhân dân các xã, phường)	3.989	
2	Kinh phí thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình, dự án xử lý khẩn cấp 05 điểm sạt lở trên địa bàn các xã: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Hữu, Mỹ Đức Tây	14.359	
3	Kinh phí tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn (đợt 1)	83.824	
III	Số dự phòng còn lại (I) - (II)	424.647	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN CHI CHƯA PHÂN BỐ NĂM 2026

ĐẾN THÁNG 5 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số **316**/BC-UBND ngày **23** / **6**/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Dvt: ngàn đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
I	Tổng số dự toán đầu năm chưa phân bổ		1.986.280
II	Tổng số đã sử dụng trong năm, bao gồm:		633.819
1	Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo		
1.1	Tổng số dự toán đầu năm chưa phân bổ		861.344
1.2	Số đã sử dụng đến tháng 5/2026		339.315
	Các xã, phường	Bổ sung dự toán năm 2026 do tổng hợp thiếu so với định mức theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	153.772
	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 4	Thanh toán chi phí sửa chữa các Trường tiểu học năm 2024 và sửa chữa và lắp đặt trang thiết bị cho các trường năm 2025	8.208
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy và học thường xuyên của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT	83.977
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy và học thường xuyên của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2026 (đợt 2)	32.653
	Xã Tân Hồng	Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	70
	Xã Phương Thới	Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	70
	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Kinh phí hỗ trợ mua BHYT cho học sinh theo Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	52.183
	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 1, 4	Thanh toán chi phí sửa chữa các Trường do cấp huyện phê duyệt chủ trương trước sắp xếp	8.382
1.3	Số dự toán còn lại		522.029
2	Chi đảm bảo xã hội		
2.1	Tổng số dự toán đầu năm chưa phân bổ		9.576
2.2	Số đã sử dụng đến tháng 5/2026		0
3.3	Số dự toán còn lại		9.576
3	Chi thường xuyên khác		
3.1	Tổng số dự toán đầu năm chưa phân bổ		1.115.360
3.2	Số đã sử dụng đến tháng 5/2026		294.504
	Các xã, phường	Bổ sung dự toán năm 2026 do tổng hợp thiếu so với định mức theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	
	Ủy ban bầu cử tỉnh	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm vụ 2026-2031 (đợt 1)	7.500
	102 xã, phường	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm vụ 2026-2031 (đợt 2)	46.620

STT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
	Thống kê tỉnh	Kinh phí biên soạn niên giám thống kê và ấn phẩm kinh tế - xã hội	249
	Xã Tân Điền	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở cho người có công và thân nhân người có công đối với Bà Tạ Thị Oanh	60
	Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp	1.577
	Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp	Kinh phí thực hiện tiếp nhận công dân theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 17/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc tổ chức tiếp nhận công dân do lực lượng chức năng Campuchia bàn giao tại Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà	72
	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Kinh phí tổ chức đoàn đi công tác Campuchia theo Thông báo số 187-TB/VPTU ngày 18/3/2026 của Văn phòng Tỉnh Ủy Đồng Tháp về việc thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về tổ chức các đoàn công tác đi Campuchia và Lào	560
	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	Kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn	4.419
	Sở Nội vụ	Kinh phí thực hiện bảo quản và vận hành Kho lưu trữ hồ sơ tạm năm 2026	8.922
	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	Kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	1.999
	Liên minh Hợp tác xã	Kinh phí Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031	424
	Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh	Kinh phí Đại hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031	185
	Xã Tam Nông	Bổ sung kinh phí cải tạo, sửa chữa sân đường, hệ thống thoát nước và trụ sở Đảng ủy xã Tam Nông	968
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kinh phí điều tra, xác định hiện trạng rừng và xây dựng khung giá các loại rừng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	8.400
	Các xã, phường	Kinh phí thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo NQ số 51/2023/NQ-HĐND năm 2026	2.763
	Các xã, phường	Kinh phí đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể	2.302
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kinh phí duy trì, vận hành Hệ thống thông tin của ngành nông nghiệp và môi trường năm 2026	1.630
	Phường Thanh Hòa	Kinh phí cải tạo, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sĩ Cai Lậy phường Thanh Hòa	2.428
	Các xã, phường	Kinh phí thực hiện Cải tạo, sửa chữa, mở rộng Trung tâm Phục vụ hành chính công năm 2026 của các xã, phường sau sắp xếp	25.722
	Văn phòng Tỉnh ủy và 102 xã, phường	Kinh phí thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU của Văn phòng Tỉnh ủy và các xã, phường năm 2026	57.391
	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	Kinh phí lập quy hoạch chi tiết dự án Hạ tầng khu thực nghiệm công nghệ sinh học	1.543
	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Kinh phí tổ chức tiếp nhận công dân theo Kế hoạch số 460/KH-UBND ngày 15/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	105
	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp	để hỗ trợ bổ sung kinh phí chênh lệch khi chuyển từ thuê truyền dẫn phát sóng từ Vinasat -1 sang Vinasat -2	154
	Thanh tra tỉnh	Kinh phí được trích để lại sử dụng từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra năm 2026	437

STT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Kinh phí hỗ trợ mua BHYT cho học sinh theo Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	32.516
	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 1, 2	Thanh toán chi phí sửa chữa các công trình do cấp huyện phê duyệt chủ trương trước sắp xếp	85.559
3.3	Số dự toán còn lại		820.856

CHI TIẾT ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 316 /BC-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2026					Ước thực hiện 6 tháng					Tỷ lệ ước thực hiện 6 tháng so dự toán			
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó		2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó		2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó: thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất và XSKT	2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				Thu tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				Thu tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
A	B	1=2+5	2	3	4	5	6=7+10	7	8	9	10	11=6/1	12=7/2	13	14=10/5
	TỔNG CỘNG	23.776.000	23.226.000	2.400.000	4.635.000	550.000	14.332.564	13.819.564	1.449.409	3.017.641	513.000	60,28	59,50	57,76	93,27
I	KHU VỰC TỈNH	18.054.000	17.504.000	1.000.000	4.635.000	550.000	11.237.336	10.724.336	651.517	3.017.641	513.000	62,24	61,27	59,44	93,27
II	KHU VỰC XÃ	5.722.000	5.722.000	1.400.000	0	0	3.095.228	3.095.228	797.892	0	0	54,09	54,09	53,15	
1	Phường Đạo Thạnh	202.677	202.677	52.000			116.411	116.411	34.466			57,44	57,44	54,38	
2	Phường Mỹ Tho	185.032	185.032	15.000			130.172	130.172	11.591			70,35	70,35	69,74	
3	Phường Thới Sơn	97.950	97.950	19.000			68.614	68.614	22.213			70,05	70,05	58,77	
4	Phường Mỹ Phong	114.736	114.736	54.000			86.552	86.552	49.865			75,44	75,44	60,40	
5	Phường Trung An	237.605	237.605	101.000			91.101	91.101	33.291			38,34	38,34	42,32	
6	Phường Long Thuận	65.600	65.600	24.400			26.507	26.507	7.376			40,41	40,41	46,43	
7	Phường Gò Công	59.560	59.560	19.500			28.729	28.729	8.930			48,24	48,24	49,42	
8	Phường Bình Xuân	24.840	24.840	6.400			12.986	12.986	6.438			52,28	52,28	35,51	
9	Xã Tân Phước 1	50.470	50.470	15.000			29.336	29.336	9.000			58,13	58,13	57,33	
10	Xã Tân Phước 2	26.210	26.210	16.000			10.455	10.455	6.000			39,89	39,89	43,63	
11	Xã Hưng Thạnh	35.150	35.150	17.000			16.297	16.297	8.000			46,36	46,36	45,71	
12	Xã Tân Phước 3	42.155	42.155	11.000			30.246	30.246	12.000			71,75	71,75	58,57	
13	Xã Cái Bè	232.930	232.930	33.500			122.523	122.523	17.000			52,60	52,60	52,91	
14	Xã Hậu Mỹ	28.635	28.635	4.500			15.053	15.053	2.000			52,57	52,57	54,08	
15	Xã Mỹ Thiện	16.070	16.070	1.500			4.280	4.280	1.000			26,63	26,63	22,51	
16	Xã Hội Cư	45.320	45.320	11.500			47.177	47.177	11.000			104,10	104,10	106,97	
17	Xã Mỹ Đức Tây	25.320	25.320	4.500			15.233	15.233	3.300			60,16	60,16	57,32	
18	Xã Mỹ Lợi	21.140	21.140	3.500			13.827	13.827	5.000			65,41	65,41	50,04	
19	Xã Thanh Hưng	32.370	32.370	3.500			16.885	16.885	3.500			52,16	52,16	46,36	
20	Xã An Hữu	27.670	27.670	2.500			21.810	21.810	3.500			78,82	78,82	72,75	
21	Phường Mỹ Phước Tây	67.660	67.660	19.000			32.026	32.026	6.000			47,33	47,33	53,49	
22	Phường Thanh Hòa	15.675	15.675	2.500			13.076	13.076	1.200			83,42	83,42	90,14	
23	Phường Cai Lậy	84.200	84.200	38.000			42.445	42.445	18.000			50,41	50,41	52,91	
24	Xã Thạnh Phú	15.475	15.475	1.000			8.622	8.622	2.000			55,72	55,72	45,75	
25	Xã Mỹ Thành	27.835	27.835	1.000			12.135	12.135	2.000			43,60	43,60	37,77	
26	Xã Tân Phú	17.460	17.460	2.000			10.437	10.437	1.800			59,78	59,78	55,87	
27	Xã Bình Phú	50.950	50.950	9.000			30.543	30.543	6.000			59,95	59,95	58,51	
28	Phường Nhị Quý	30.125	30.125	9.500			15.862	15.862	5.000			52,65	52,65	52,66	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2026					Ước thực hiện 6 tháng					Tỷ lệ ước thực hiện 6 tháng so dự toán			
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó		2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó		2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó: thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất và XSKT	2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				Thu tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				Thu tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
A	B	1=2+5	2	3	4	5	6=7+10	7	8	9	10	11=6/1	12=7/2	13	14=10/5
29	Xã Hiệp Đức	16.667	16.667	2.000			7.031	7.031	2.000			42,19	42,19	34,30	
30	Xã Long Tiên	24.805	24.805	5.000			14.859	14.859	3.500			59,90	59,90	57,35	
31	Xã Ngũ Hiệp	48.708	48.708	14.000			27.315	27.315	6.000			56,08	56,08	61,41	
32	Xã Châu Thành	60.688	60.688	13.628			37.680	37.680	11.037			62,09	62,09	56,61	
33	Xã Tân Hương	54.685	54.685	12.038			36.124	36.124	11.893			66,06	66,06	56,82	
34	Xã Long Hưng	51.857	51.857	15.443			37.742	37.742	16.078			72,78	72,78	59,49	
35	Xã Long Định	30.455	30.455	6.024			16.710	16.710	4.946			54,87	54,87	48,15	
36	Xã Bình Trung	22.938	22.938	3.749			14.858	14.858	5.251			64,77	64,77	50,07	
37	Xã Vĩnh Kim	23.348	23.348	3.755			13.277	13.277	1.641			56,87	56,87	59,39	
38	Xã Kim Sơn	41.083	41.083	8.373			32.134	32.134	8.985			78,22	78,22	70,77	
39	Xã Chợ Gạo	72.255	72.255	19.441			36.093	36.093	12.675			49,95	49,95	44,34	
40	Xã Mỹ Tịnh An	29.626	29.626	8.343			20.249	20.249	7.342			68,35	68,35	60,65	
41	Xã Lương Hòa Lạc	27.335	27.335	6.508			17.531	17.531	4.986			64,13	64,13	60,23	
42	Xã Tân Thuận Bình	35.960	35.960	7.363			23.051	23.051	5.047			64,10	64,10	62,95	
43	Xã An Thạnh Thủy	24.516	24.516	5.158			12.196	12.196	5.855			49,75	49,75	32,76	
44	Xã Bình Ninh	31.115	31.115	8.828			22.228	22.228	5.064			71,44	71,44	77,01	
45	Xã Vĩnh Bình	61.477	61.477	12.980			28.192	28.192	6.422			45,86	45,86	44,89	
46	Xã Đồng Sơn	29.062	29.062	6.946			14.049	14.049	5.944			48,34	48,34	36,65	
47	Xã Phú Thành	21.495	21.495	4.873			16.073	16.073	3.834			74,77	74,77	73,63	
48	Xã Vĩnh Hựu	20.699	20.699	3.008			6.818	6.818	2.381			32,94	32,94	25,08	
49	Xã Long Bình	19.406	19.406	4.542			9.962	9.962	2.560			51,34	51,34	49,80	
50	Xã Tân Thới	15.000	15.000	3.200			11.319	11.319	3.651			75,46	75,46	64,98	
51	Xã Tân Phú Đông	22.320	22.320	4.500			11.877	11.877	4.149			53,21	53,21	43,37	
52	Xã Tân Hòa	31.810	31.810	6.000			17.864	17.864	7.427			56,16	56,16	40,44	
53	Xã Gia Thuận	24.370	24.370	4.800			19.360	19.360	5.446			79,44	79,44	71,10	
54	Xã Tân Đông	25.020	25.020	6.000			16.624	16.624	5.637			66,44	66,44	57,77	
55	Phường Sơn Qui	67.650	67.650	35.000			38.351	38.351	17.694			56,69	56,69	63,27	
56	Xã Tân Diên	17.580	17.580	6.900			9.456	9.456	4.849			53,79	53,79	43,14	
57	Xã Gò Công Đông	18.250	18.250	6.300			14.284	14.284	7.603			78,27	78,27	55,91	
58	Phường Cao Lãnh	482.220	482.220	125.000			293.886	293.886	102.497			60,94	60,94	53,58	
59	Phường Mỹ Ngãi	84.150	84.150	16.200			30.369	30.369	9.007			36,09	36,09	31,44	
60	Phường Mỹ Trà	140.526	140.526	17.600			69.100	69.100	10.784			49,17	49,17	47,44	
61	Phường Sa Đéc	310.850	310.850	90.000			170.821	170.821	43.590			54,95	54,95	57,61	
62	Xã Tân Hồng	29.500	29.500	500			14.128	14.128	2.372			47,89	47,89	40,54	
63	Xã Tân Hộ Cơ	31.500	31.500	500			25.391	25.391	2.550			80,61	80,61	73,68	
64	Xã Tân Thành	10.200	10.200	200			5.362	5.362	760			52,57	52,57	46,02	
65	Xã An Phước	15.300	15.300	300			9.502	9.502	942			62,11	62,11	57,07	
66	Phường An Bình	35.800	35.800	800			21.291	21.291	7.814			59,47	59,47	38,51	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2026					Ước thực hiện 6 tháng					Tỷ lệ ước thực hiện 6 tháng so dự toán			
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó		2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó		2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1- Thu nội địa	Trong đó: thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất và XSKT	2- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				Thu tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				Thu tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
A	B	1=2+5	2	3	4	5	6=7+10	7	8	9	10	11=6/1	12=7/2	13	14=10/5
67	Phường Hồng Ngự	61.800	61.800	800			67.002	67.002	13.102			108,42	108,42	88,36	
68	Xã Thường Phước	54.300	54.300	300			55.023	55.023	8.728			101,33	101,33	85,73	
69	Phường Thường Lạc	25.400	25.400	400			7.875	7.875	1.615			31,00	31,00	25,04	
70	Xã Long Khánh	17.300	17.300	300			6.740	6.740	1.622			38,96	38,96	30,10	
71	Xã Long Phú Thuận	21.200	21.200	200			10.237	10.237	3.553			48,29	48,29	31,83	
72	Xã Tràm Chim	35.500	35.500	500			17.192	17.192	2.516			48,43	48,43	41,93	
73	Xã Tam Nông	12.800	12.800	300			5.832	5.832	793			45,56	45,56	40,31	
74	Xã An Hòa	15.300	15.300	300			9.268	9.268	3.225			60,57	60,57	40,28	
75	Xã Phú Cường	15.300	15.300	300			5.649	5.649	108			36,92	36,92	36,94	
76	Xã An Long	27.397	27.397	3.000			14.503	14.503	534			52,94	52,94	57,26	
77	Xã Phú Thọ	12.800	12.800	300			4.185	4.185	189			32,69	32,69	31,97	
78	Xã Tháp Mười	127.410	127.410	36.380			36.774	36.774	8.360			28,86	28,86	31,21	
79	Xã Phương Thịnh	22.200	22.200	9.250			8.466	8.466	2.302			38,13	38,13	47,60	
80	Xã Trường Xuân	27.070	27.070	9.770			11.456	11.456	358			42,32	42,32	64,15	
81	Xã Mỹ Quý	28.130	28.130	9.350			13.148	13.148	1.355			46,74	46,74	62,79	
82	Xã Đốc Bình Kiều	24.420	24.420	8.100			14.302	14.302	971			58,57	58,57	81,69	
83	Xã Thanh Mỹ	26.660	26.660	8.310			6.650	6.650	590			24,94	24,94	33,02	
84	Xã Mỹ Thọ	137.530	137.530	30.970			32.399	32.399	4.816			23,56	23,56	25,88	
85	Xã Ba Sao	25.500	25.500	8.830			9.512	9.512	1.689			37,30	37,30	46,93	
86	Xã Phong Mỹ	22.330	22.330	8.940			4.320	4.320	182			19,35	19,35	30,90	
87	Xã Mỹ Hiệp	43.180	43.180	17.670			22.806	22.806	6.083			52,82	52,82	65,56	
88	Xã Bình Hàng Trung	33.570	33.570	11.430			14.847	14.847	1.792			44,23	44,23	58,96	
89	Xã Thanh Bình	57.850	57.850	15.000			26.386	26.386	5.373			45,61	45,61	49,04	
90	Xã Tân Long	48.367	48.367	3.800			27.238	27.238	2.071			56,32	56,32	56,47	
91	Xã Tân Thạnh	22.674	22.674	4.000			8.428	8.428	947			37,17	37,17	40,06	
92	Xã Bình Thành	26.816	26.816	6.400			16.377	16.377	3.386			61,07	61,07	63,63	
93	Xã Lấp Vò	114.000	114.000	20.400			60.624	60.624	5.651			53,18	53,18	58,73	
94	Xã Mỹ An Hưng	57.000	57.000	19.500			20.914	20.914	1.000			36,69	36,69	53,10	
95	Xã Tân Khánh Trung	56.000	56.000	14.500			24.117	24.117	2.056			43,07	43,07	53,16	
96	Xã Hòa Long	82.500	82.500	23.400			27.375	27.375	859			33,18	33,18	44,87	
97	Xã Tân Dương	120.928	120.928	37.000			66.245	66.245	22.000			54,78	54,78	52,72	
98	Xã Lai Vung	68.500	68.500	20.850			37.777	37.777	6.479			55,15	55,15	65,68	
99	Xã Phong Hòa	57.000	57.000	22.350			17.504	17.504	580			30,71	30,71	48,84	
100	Xã Phú Hựu	70.590	70.590	20.000			31.514	31.514	8.000			44,64	44,64	46,48	
101	Xã Tân Nhuận Đông	51.207	51.207	16.000			25.541	25.541	3.323			49,88	49,88	63,11	
102	Xã Tân Phú Trung	80.425	80.425	18.000			34.508	34.508	4.000			42,91	42,91	48,87	